

Unit 2: What's this? (Đây là gì?)

LESSON 1

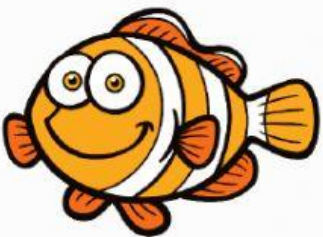
	desk	cái bàn	(đét x)
	chair	cái ghế	(che)
	crayon	cây bút màu	(crấy ơn)
	pencil	cây bút chì	(pén xô)
	notebook	cuốn tập	(nâu t bức)

LESSON 2

	What's this?: đây là gì? (quát x đít x)
	It's a desk: nó là 1 cái bàn (it x ở đét x)

LESSON 3+4+5

	egg	quả trứng	(ét)
	elephant	con voi	(é li phơn)

	fish	con cá	(phít s)
	farm	nông trại	(pham)
	five	số 5	(phai)
	six	số 6	(xít)